

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
Xây dựng trang trại chăn nuôi 3.000 con heo nái/năm tại ấp Thạch Màng
và ấp Đồng Bia, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
do Công ty TNHH Đồng Phước Lợi làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy
định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá
tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số
40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều
của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường
và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng
trang trại chăn nuôi 3.000 con heo nái/năm tại ấp Thạch Màng và ấp Đồng Bia, xã
Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Đồng Phước Lợi
làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 12/CV-ĐPL ngày
09/9/2021;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
653/TTr-STNMT ngày 22/9/2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự
án Xây dựng trang trại chăn nuôi 3.000 con heo nái/năm (sau đây gọi là Dự án) của



Công ty TNHH Đồng Phước Lợi (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại ấp Thạch Màng và ấp Đồng Bia, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú, Chủ tịch UBND xã Tân Lợi, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Đồng Phước Lợi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-62-QĐPD-16/9).

KT. **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
XÂY DỰNG TRANG TRẠI CHĂN NUÔI 3.000 CON HEO NÁI/NĂM
DO CÔNG TY TNHH ĐỒNG PHƯỚC LỢI LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
TẠI ÁP THẠCH MÀNG VÀ ÁP ĐỒNG BIA, XÃ TÂN LỢI,
HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 2490./QĐ-UBND ngày 23. / .9.../2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Xây dựng trang trại chăn nuôi 3.000 con heo nái/năm.

1.2. Chủ Dự án: Công ty TNHH Đồng Phước Lợi.

Công ty TNHH Đồng Phước Lợi được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 3801229301 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 24/7/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 02/11/2020.

Trụ sở chính: Ấp Thạch Màng, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Hùng, chức vụ: Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Ấp Thạch Màng và ấp Đồng Bia, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 119.193,6 m² (11,919 ha) với quy mô 3.000 con heo nái/năm (diện tích khu đất thuộc quyền sử dụng của các hộ dân (bà Võ Thị Hà và ông Võ Thanh Trúc; ông Nguyễn Văn Tuấn và bà Nguyễn Thị Bích Ngọc; ông Nguyễn Nhật Thanh; ông Nguyễn Hoàng Nhật và bà Võ Thị Huệ) được UBND huyện Đồng Phú cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số CS03606/Tân Lợi ngày 20/02/2020; số CH 02209/Tân Lợi ngày 25/10/2019; số 03598/Tân Lợi ngày 20/02/2020 và số CH 02986/Tân Lợi ngày 06/11/2019, chỉnh lý ngày 11/02/2020. Công ty TNHH Đồng Phước Lợi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các hộ dân trên và chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án) tại ấp Thạch Màng và ấp Đồng Bia, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

1.5. Công nghệ của Dự án: Chăn nuôi heo tập trung bằng công nghệ trại lạnh khép kín.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Gồm khu chăn nuôi, khu điều hành và khu vực xử lý chất thải.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:* Bụi từ quá trình cưa xẻ, thu gom thực bì, lá, cành và rễ; khí thải từ hoạt động vận chuyển gỗ;

bụi từ quá trình san nền, đào móng; bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công trên công trình; bụi và khí thải phát sinh từ quá trình hàn xì kim loại, quá trình chà nhám, sơn tường; nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải từ hoạt động xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào trang trại; bụi và khí thải máy phát điện dự phòng; bụi phát sinh từ nhập nguyên liệu thức ăn; khí thải từ hầm biogas; mùi hôi phát sinh từ quá trình xử lý nước thải, khu chăn nuôi, khu vực chứa phân heo, khu vực xử lý nhau thai, xác heo chết không do dịch bệnh và hầm ủ xác heo; nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải từ quá trình chăn nuôi; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn không nguy hại và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và triển khai thi công xây dựng Dự án:

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng khoảng 1,5 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng khoảng 2,4 m³/ngày; thành phần ô nhiễm gồm: Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, coliform.

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải chăn nuôi:* Lưu lượng khoảng 95,51 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: pH, SS, BOD₅, COD, NH₄⁺, NO₂, độ mặn, E.Coli, S.feacalis, coliform.

- *Nước thải từ quá trình sát trùng và nước tắm sau khi sát trùng:* Lưu lượng phát sinh khoảng 0,75 m³/ngày; tính chất của nước thải này là độ pH tương đối thấp, tính oxy hóa mạnh.

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng khoảng 3,2 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, coliform.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Khí thải do quá trình sử dụng nhiên liệu xăng của xe cộ:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO₂, NO_x, CO.

- *Bụi phát sinh do quá trình cưa xẻ cây:* Lượng bụi phát sinh trong quá trình cưa xẻ cây khoảng 0,097 g/s.

- *Khí thải từ hoạt động vận chuyển gỗ:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x, CO, HC.

- *Bụi từ quá trình san nền, đào móng*: Nồng độ bụi phát sinh trong quá trình đào đất, san nền khoảng 3,101 mg/m³.

- *Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: CO, NO_x, HC và bụi.

- *Bụi và khí thải từ phương tiện thi công*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x, CO, SO₂.

- *Khí thải từ quá trình hàn xì kim loại*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Khói hàn, CO, NO_x.

- *Bụi và khí thải từ quá trình chà nhám, sơn tường*: Thường phát sinh hơi dung môi (VOC_s) chứa các thành phần ô nhiễm như: Xylen, toluen, benzen.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào trang trại*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x, CO, HC.

- *Bụi, khí thải máy phát điện dự phòng*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x, SO₂, CO.

- *Bụi phát sinh từ nhập nguyên liệu thức ăn*: Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình nhập nguyên liệu thức ăn khoảng 2,098 mg/m³.

- *Khí thải từ hầm biogas*: Lượng khí CH₄ sinh ra từ hầm biogas khoảng 52,128 m³/ngày. Thành phần chính của khí biogas là CH₄ (58% đến 60%) và CO₂ (>30%) còn lại là các chất khác như: N₂, H₂S, CO...

- *Mùi phát sinh từ quá trình xử lý nước thải, khu chăn nuôi, khu vực chứa phân heo, khu vực xử lý nhau thai và xác heo chết không do dịch bệnh và hầm hủy xác heo*: Thường chứa chủ yếu các thành phần như: H₂S, NH₃, mercaptan và các amin hữu cơ, andehyt hữu cơ, axit béo dễ bay hơi...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Phát sinh khoảng 266,16 tấn trong suốt quá trình thi công xây dựng, chủ yếu là xi măng rơi vãi, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu thải, đá, cát...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 24 kg/ngày, thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Phân heo*: Tổng lượng phân heo phát sinh khoảng 5.648 kg/ngày; thành phần phân heo chủ yếu gồm nước (56% - 83%) và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.



- *Nhau thai và xác heo chết không do dịch bệnh; xác heo chết do các bệnh thông thường*: Phát sinh khoảng 87 kg/ngày, trong đó, xác heo chết do ngộ, còi cọc phát sinh khoảng 15 kg/ngày; xác heo chết do bệnh thông thường phát sinh khoảng 08 kg/ngày và nhau thai heo khoảng 64 kg. Thành phần chủ yếu của nhau thai và xác heo chết không do dịch bệnh; xác heo chết do các bệnh thông thường gồm các chất hữu cơ, các khí tạo thành trong quá trình phân hủy chất hữu cơ như: NH_3 , H_2S , CO_2 ...

- *Bao bì cám heo dự trữ*: Khối lượng phát sinh khoảng 3,14 kg/ngày.

- *Tắm làm mát bị hư hỏng, thải bỏ*: Khối lượng phát sinh trung bình khoảng 1,3 kg/ngày.

- *Bùn thải*: Lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 281 kg/ngày; thành phần chủ yếu gồm nước và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 32 kg/ngày; thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% - 70% chất hữu cơ và 30% - 40% các chất khác.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 27 kg/tháng, bao gồm: Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; cặn sơn thải; que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại.

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 74 kg/tháng bao gồm các loại chất thải như: Giẻ lau, bao tay dính hóa chất/dầu mỡ; thùng, bao bì cứng thải bằng nhựa; bao bì mềm thải (bao gồm bao bì thuốc thú y, chế phẩm, tiêu độc, khử trùng thải); bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; dầu nhớt thải; chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn); chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại từ quá trình sát trùng xe, chuồng trại); pin, ắc quy chì thải; hộp mực in thải có các thành phần nguy hại.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*: Thu gom vào hố lắng tạm, hố đất đào, dung tích 03 m³ (kích thước: D x R x S = 02 m x 01 m x 1,5 m) để lắng các chất rắn lơ lửng. Nước thải sau khi lắng cạn được tái sử dụng cho quá trình trộn bê tông, tưới đường để giảm bụi.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Xây dựng trước 04 bể tự hoại 03 ngăn, thể tích 03 m³/bể để sử dụng chung cho cả giai đoạn chuẩn bị, thi công xây dựng và giai đoạn Dự án đi vào vận hành. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn phải được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường. Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho quá trình trộn bê tông, tưới đường giảm bụi.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được đưa vào hầm biogas của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Nước thải từ quá trình tắm giặt rửa tay, chân được dẫn về hồ sinh học để xử lý. Chủ Dự án xây dựng 04 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích là 03 m³/bể được bố trí tại nhà ở công nhân; nhà ăn, bếp nấu ăn; nhà bảo vệ và nhà điều hành.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình sát trùng:* Được thu gom về hồ chứa nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải chăn nuôi:* Nước thải chăn nuôi phát sinh từ Dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 120 m³/ngày.đêm (đã bao gồm hệ số an toàn k = 1,2) với quy trình:

Nước thải sinh hoạt của công nhân từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn → Hầm biogas; Nước rửa tay, chân; nước tắm giặt → Hồ sinh học; Nước sát trùng xe và công nhân → Hồ chứa nước thải sau xử lý; Nước thải từ quá trình chăn nuôi → Hồ CT → Hầm biogas → Hồ sinh học → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể chỉnh pH → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Mương khử trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý 1, 2 → Nước thải đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học được dùng để tái sử dụng cho hoạt động chăn nuôi và tưới cây trong khu vực trại (chỉ được phép tưới vào mùa nắng).

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải như sau:

Công trình	Kích thước (m) (Dài x Rộng x Sâu)	Thể tích/bể (m ³)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
Hồ CT	08 x 04 x 04	128	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Hầm biogas	60 x 30 x 05	9.000	01	Hồ đất, vát taluy, lót và phủ bạt HDPE

Công trình	Kích thước (m) (Dài x Rộng x Sâu)	Thể tích/bể (m ³)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
Hồ sinh học	45 x 30 x 05	6.750	01	Hồ đất, lót bạt HDPE
Bể anoxic	12,15 x 04 x 05	243	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể aerotank	12,15 x 08 x 05	486	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể lắng sinh học	06 x 5,7 x 05	171	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể chỉnh pH	2,15 x 1,2 x 05	12,9	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể keo tụ	2,15 x 1,9 x 05	20,43	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể tạo bông	2,2 x 2,15 x 05	23,65	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể lắng hóa lý	3,6 x 3,6 x 05	64,8	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Mương khử trùng	04 x 1,5 x 01	06	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể chứa bùn	3,6 x 1,9 x 05	34,2	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Hồ chứa nước thải sau xử lý 1	45 x 30 x 06	8.100	01	Hồ đất, lót bạt HDPE
Hồ chứa nước thải sau xử lý 2	45 x 30 x 06	8.100	01	Hồ đất, lót bạt HDPE

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải phát sinh từ Dự án phải đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học trước khi tái sử dụng cho hoạt động chăn nuôi và tưới cây trong khuôn viên trang trại vào mùa nắng; không được phép tưới cây vào mùa mưa.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình cưa xẻ, thu gom thực bì, cành và rễ:* Lượng sinh khối phát sinh được vận chuyển đến nơi thu mua; bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển, phân luồng và tưới nước giao thông nội bộ trong khu vực Dự án; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; trang bị khẩu trang, bao tay và nút bịt tai cho công nhân; các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ vận chuyển gỗ:* Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt; xe chuyên chở gỗ và sinh khối phải được che phủ kín để tránh phát tán bụi; các

phương tiện đảm bảo đủ các điều kiện lưu hành, đảm bảo thời hạn cho phép lưu thông theo đúng quy định của pháp luật...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ hoạt động san nền và đào móng:* Tưới nước trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày (sáng, chiều); trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân; các loại xe chuyên chở nguyên vật liệu và xà bần phải được che phủ kín để tránh phát tán bụi...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ các phương tiện vận chuyển:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; không được chở quá tải trọng quy định, hạn chế nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên liệu...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ thiết bị thi công trên công trường:* Lên kế hoạch thi công cụ thể và bố trí nhân lực hợp lý; bố trí riêng khu vực tập kết nguyên vật liệu cho Dự án và che phủ bạt kín; thường xuyên kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình hàn, xì kim loại:* Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; thường xuyên kiểm tra quá trình hàn xì để kịp thời xử lý sự cố nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình thi công...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình chà nhám, sơn tường:* Huấn luyện về kỹ thuật thi công cho công nhân; trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân như khẩu trang, găng tay, quần áo bảo hộ lao động...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải:* Xây dựng đường giao thông nội bộ dành riêng cho các phương tiện vận tải ra vào khu vực trang trại; tưới nước thường xuyên đường giao thông nội bộ với tần suất 01 lần/ngày; không nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên liệu, không chở quá tải...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng:* Bảo dưỡng định kỳ; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; máy được bố trí trong nhà đặt máy phát điện; lắp đặt ống khói có chiều cao vượt mái trại khoảng 02 m, đường kính 150 mm để hạn chế các tác động đến môi trường không khí.

- *Biện pháp xử lý khí gas từ hầm biogas*: Lượng khí gas phát sinh từ hầm biogas được tận dụng để làm nhiên liệu trong quá trình nấu ăn của trang trại và nấu nhau thai và xác heo chết không do dịch bệnh cho cá ăn; trường hợp sau khi sử dụng khí gas còn thừa, Chủ Dự án đốt bỏ có kiểm soát theo đúng quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi từ hoạt động chăn nuôi, hệ thống xử lý nước thải, khu vực chứa phân; khí từ hầm biogas và hầm hủy xác*:

Khu vực chuồng nuôi: Bố trí hợp lý chiều cao chuồng trại, chuồng nuôi có độ dốc và có rãnh thoát nước tiểu; tăng cường trồng cây xanh cách ly xung quanh các khu trại để cải thiện điều kiện vi khí hậu và chất lượng môi trường không khí; xây dựng tuyến hàng rào cao 2,5 m nhằm hạn chế mùi hôi phát tán xung quanh trang trại; thường xuyên vệ sinh chuồng trại sạch sẽ; khống chế ô nhiễm mùi bằng biện pháp phun chế phẩm EM cho các chuồng nuôi và phun lên mình heo với tần suất 01 lần/ngày khi không có dịch bệnh, phun với tần suất 02 lần/ngày khi có dịch bệnh; bố trí hệ thống thông gió, trang bị quạt hút, công suất 1,5 HP ở cuối mỗi dãy chuồng nuôi...

Khu vực xử lý nước thải: Hệ thống mương thu gom nước thải là hệ thống kín; thường xuyên khơi thông tránh ứ đọng phân và nước thải; phun chế phẩm EM với tần suất 02 lần/ngày vào những vị trí phát sinh mùi hôi.

Khu vực chứa phân: Phân heo được thu gom hằng ngày sau đó được khử trùng bằng vôi bột rồi đóng bao ngay, phun chế phẩm sinh học EM với tần suất 01 lần/ngày; rắc vôi bột nhằm xử lý các vi khuẩn có hại trong phân heo với tần suất 01 lần/ngày.

Khu vực hố hủy xác: Rắc vôi bên trong và trên bề mặt khu vực hố hủy xác với khối lượng 0,8 kg/m² hoặc phun chlorine nồng độ 02% với lượng 0,2 – 0,25 lít/m² khi xử lý nhau thai và xác heo chết không do dịch bệnh để hạn chế mùi hôi phát sinh và nguy cơ dịch bệnh nếu có, trồng cây xanh xung quanh khu vực hố hủy xác để hạn chế sự phát tán mùi trong không khí...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Môi trường không khí khu vực Dự án đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành. Khí thải phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả ra môi trường.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, tận dụng san nền tại chỗ với đất, đá, gạch... Đối với lượng chất thải xây dựng không thể tận dụng, Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thu gom, lưu chứa vào các thùng chứa 120 lít, có nắp đậy kín và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Phân heo*: Phân heo được thu gom hằng ngày, phân từ các chuồng heo nái được thu gom khô vào bao; phân từ nhà heo nọc và heo cai sữa theo nước thải chảy về hồ CT, sau đó chảy vào hầm biogas của hệ thống xử lý nước thải. Phân heo sau khi thu gom lưu chứa tại nhà để phân diện tích 70 m² được Chủ Dự án sử dụng chế phẩm vi sinh EM phun đều lên các bao phân, tần suất 01 lần/ngày. Phân heo được xử lý đúng quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước trước khi đưa ra môi trường.

- *Nhau thai và xác heo chết không do dịch bệnh*:

Nhau thai và xác heo chết do ngộ, còi cọc được nấu chín, sau đó nghiền làm thức ăn cho cá; thiết bị nấu xác heo chết không do dịch bệnh được bố trí tại nhà chứa có diện tích 20 m². Nhà chứa được dọn vệ sinh thường xuyên và phun chế phẩm tiêu độc khử trùng 02 lần/ngày, kết cấu: nhà 01 tầng, nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn. Cá được nuôi tại hồ nuôi cá có kích thước: R x D = 25 m x 45 m, diện tích 1.125 m², kết cấu: hồ đất, lót bạt HDPE chống thấm.

Chủ Dự án đầu tư 01 máy nghiền xác heo, công suất 100 kg/giờ được bố trí tại nhà chứa máy nghiền xác heo chết có diện tích 40 m². Nhà chứa được dọn vệ sinh thường xuyên và phun chế phẩm tiêu độc khử trùng 02 lần/ngày, kết cấu: nhà 01 tầng, nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn.

Lượng nhau thai và xác heo chết do ngộ, còi cọc còn dư được bỏ vào hầm hủy xác để xử lý theo đúng quy định. Hầm hủy xác có kích thước: D x R x S = 12 m x 06 m x 04 m (thể tích 288 m³), chia làm 02 ngăn, mỗi ngăn có 01 cửa được xây bằng gạch với kích thước D x R = 0,4 m x 0,4 m; kết cấu: bê tông, chống thấm, cửa đóng kín. Heo chết do các bệnh thông thường, các bệnh không thuộc quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn cũng được đưa vào tầm huy xác để xử lý.

- *Xác heo chết do dịch bệnh*: Khi chủ trang trại nghi ngờ heo chết không rõ nguyên nhân, heo chết do dịch bệnh phải báo ngay cho chính quyền địa phương và cơ quan quản lý chuyên môn gần nhất để được hướng dẫn xử lý theo quy định.

- *Bùn thải*: Lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về bể chứa bùn có kích thước: $D \times R \times S = 3,6 \text{ m} \times 1,9 \text{ m} \times 05 \text{ m}$, kết cấu: bê tông cốt thép có quét vật liệu chống thấm. Chủ Dự án phải lấy mẫu bùn thải để phân tích. Trường hợp mẫu bùn có chỉ tiêu vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, Chủ Dự án phải quản lý lượng bùn thải phát sinh từ Dự án theo đúng quy định về chất thải nguy hại; trường hợp không vượt Quy chuẩn, Chủ Dự án ép bùn, lưu chứa tại nhà chứa phân và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Được thu gom vào 06 thùng chứa rác, dung tích 120 lít bố trí dọc đường giao thông nội bộ, xung quanh và trong khu vực trại; sau đó được thu gom về nhà chứa chất thải rắn thông thường diện tích 12 m^2 ; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn thông thường*: Được thu gom và lưu chứa tại các thùng chứa, dung tích 120 lít, đặt trong nhà chứa chất thải rắn thông thường, diện tích 12 m^2 , kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn; cửa ra vào khung sắt, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Phân heo phải được xử lý theo đúng quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước trước khi hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại trong thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích 60 lít và lưu chứa tại nhà chứa chất thải nguy hại có diện tích 08 m^2 với kết cấu: bê tông cốt thép, tường xây tô 02 mặt, mái lợp tôn, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, có gờ bao và hồ thu gom phòng ngừa sự cố tràn đổ theo

đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Nhà chứa chất thải nguy hại được sử dụng cho cả giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 60 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại, diện tích 08 m², kết cấu: nền bê tông, tường xây tô 02 mặt, quét sơn nước, mái lợp tôn, dán biển cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, có gờ bao và rãnh thu gom chất thải tràn đổ theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung của thiết bị, máy móc, phương tiện thi công:* Sử dụng các loại xe chuyên dụng ít gây tiếng ồn, rung hoặc gắn các thiết bị giảm thanh để mức ồn đạt tiêu chuẩn; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý; thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra các phương tiện giao thông, đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động của Dự án tới kinh tế xã hội:* Ưu tiên sử dụng lực lượng lao động tại địa phương; thường xuyên giám sát quá trình xây dựng của công nhân để có hướng giải quyết thích hợp khi xảy ra mâu thuẫn...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Chuồng trại được che chắn nhằm giảm thiểu việc phát tán tiếng ồn của heo; các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ bốc dỡ...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp khắc phục sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:* Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; khi phát hiện sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải phải báo ngay cho đơn vị có chức năng để sửa chữa kịp thời...

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hố hủy xác:* Hướng dẫn công nhân thực hiện hủy xác heo chết theo đúng quy trình, rắc vôi bột thường xuyên để hạn chế mùi hôi phát sinh; khi xảy ra sự cố cần bố trí nhân viên kỹ thuật khắc phục kịp thời...

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với máy nghiền xác heo:* Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ; khi máy bị hỏng, Chủ Dự án liên hệ ngay với đơn vị cung cấp để khắc phục sự cố ngay trong ngày...

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất:* Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo quy định hiện hành.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Các công trình bảo vệ môi trường chính được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án

5.1.1. Giám sát môi trường không khí khu vực thi công xây dựng:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công xây dựng.
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NO₂, SO₂, CO.

- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí đầu vào tại hồ CT; 01 vị trí đầu ra tại hồ chứa nước thải sau xử lý 2.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng nitơ, tổng coliform, coli phân, salmonella.

- *Tần suất giám sát*: 01 lần/ngày (01 mẫu đối với nước thải đầu vào và 07 mẫu đối với nước thải đầu ra tại hồ chứa nước thải sau xử lý 2 trong 07 ngày liên tiếp).

- *Quy chuẩn so sánh*: Cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

5.3. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.3.1. Giám sát môi trường không khí khu vực Dự án:

- *Vị trí giám sát*: 01 điểm tại khu vực chuồng trại, 01 điểm tại khu vực nhà để phân, 01 điểm tại hầm hủy xác, 01 điểm tại khu vực xử lý nước thải.

- *Thông số giám sát*: Tiếng ồn, vi khí hậu, bụi, CH₄, NH₃, H₂S.

- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.3.2. Giám sát môi trường nước ngầm:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí tại giếng khoan trong trang trại.

- *Thông số giám sát*: pH, độ cứng, TDS, Fe, nitrit, nitrat, Cl⁻, amoni, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 09-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.3.3. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát*: 01 vị trí đầu vào tại hố CT; 01 vị trí đầu ra tại hồ chứa nước thải sau xử lý 2.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng nitơ, tổng coliform, coli phân, salmonella.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: Cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

5.3.4. Giám sát môi trường đất:

- *Vị trí giám sát*: 01 điểm tưới tiêu trong khu vực Dự án.

- *Thông số giám sát*: As, Pb, Cu, Zn, Cd, Cr.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất.

5.3.5. Giám sát môi trường nước mặt:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại suối nhỏ tiếp giáp Dự án.
- *Thông số giám sát:* pH, DO, TSS, COD, BOD₅, amoni, clorua, florua, nitrat, nitrit, photphat, tổng coliform.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.3.6. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện kèm theo:

6.1. Chủ Dự án phải thực hiện thiết kế công phụ và mở lối đi riêng vào khu vực hệ thống xử lý nước thải; bố trí hệ thống khử trùng tại lối đi riêng này để đảm bảo thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền khi đến kiểm tra; phải lắp đặt camera giám sát để ghi, lưu trữ hình ảnh tại khu vực hệ thống xử lý nước thải (trường hợp có khiếu kiện, khiếu nại để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra); có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

6.2. Chủ Dự án phải bố trí trồng cây xanh và lắp đặt các tấm màn che chắn phía sau hệ thống quạt hút thông gió của chuồng nuôi để hạn chế và giảm thiểu mùi hôi phát tán ra môi trường xung quanh; đối với khu vực hầm hủy xác phải bố trí màn trùm cửa hầm hủy để hạn chế ruồi nhặng và mùi trong hầm hủy phát tán ra môi trường, đồng thời phải có biện pháp phòng ngừa sự cố và có biện pháp xử lý khi hầm hủy đầy.

6.3. Trong quá trình đi vào hoạt động, yêu cầu Chủ Dự án phải đảm bảo các biện pháp kiểm soát nước thải, mùi hôi và các tác động khác phát sinh từ Dự án đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường và khu vực xung quanh. Đối với nước thải phát sinh từ Dự án, Chủ Dự án chỉ được phép thực hiện tái sử dụng nước

thải để tưới tiêu vào mùa khô (từ tháng 01 đến tháng 5 hằng năm); tuyệt đối không được tái sử dụng để tưới tiêu và xả nước thải dưới bất kỳ hình thức nào ra ngoài môi trường vào mùa mưa (từ tháng 6 đến tháng 12 hằng năm).

7. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác: Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

7.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

7.2. Chủ Dự án phải đảm bảo điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học theo đúng quy định tại QCVN 01-14:2010/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

7.3. Trong quá trình xây dựng và hoạt động, Chủ Dự án phải thực hiện theo đúng các yêu cầu quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

7.4. Dự án chỉ được đi vào hoạt động (chăn nuôi heo) sau khi xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung và các công trình bảo vệ môi trường như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

7.5. Trồng cây xanh trong khu vực Dự án đảm bảo đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích Dự án, bố trí dãy cây xanh cách ly khu vực chăn nuôi, khu xử lý chất thải với khu vực xung quanh.

7.6. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời. Phải chấp hành nghiêm chỉnh công tác bảo vệ môi trường và có phương án bảo vệ môi trường theo quy định; nếu để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường sẽ bị xử lý theo các nội dung cam kết tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và theo quy định pháp luật.

7.7. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 59/UBND ngày 17/03/2021 của UBND xã Tân Lợi về việc ý kiến tham vấn Báo cáo ĐTM về Dự án “Xây dựng Trang trại chăn nuôi 3.000 con heo nái/năm” và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 17/03/2021 tại ấp Thạch Màng và ấp Đồng Bia, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

7.8. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

7.9. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ Dự án phải có trách nhiệm lập kế hoạch vận hành thử nghiệm và hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

7.10. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.

